TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2023
V/v "Ly hôn, t/c về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà

2. Ông Huỳnh Văn Tý

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Thắng – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1984.

- Bị đơn: anh Trần Ngân T, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: ấp Hòa T, xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị T có mặt. Bị đơn anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Được mai mối, chị với anh Trần Ngân T tổ chức đám cưới vào năm 2004 và đến năm 2005 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Từ khi bắt đầu về sống chung anh T không chăm lo cho gia đình mà chủ yếu một mình chị gánh vác. Anh T cũng đi làm nhưng không đưa tiền lương cho

vợ để chi tiêu cho gia đình, thỉnh thoảng chỉ đưa một ít nhưng không đủ so với cuộc sống hiện nay. Ngoài ra anh T còn thường xuyên gây nợ nần buộc chị phải trả nợ thay rất nhiều lần, từ những việc này vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vào bốn năm trước chị cũng đã gửi đơn đến Tòa án để xin ly hôn với anh T nhưng do con năn nỉ và vì thương con nên chị đã rút đơn. Chị đã cho anh T rất nhiều cơ hội để thay đổi nhưng cũng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung với anh T được nữa nên chị T yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ánh T xin được ly hôn với anh Trần Ngân T.

+ Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Trần Minh Q sinh ngày 17/8/2005 và Trần Thị Hồng N sinh ngày 18/11/2009. Sau ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: không có.

+ Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Ngân T: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên đã tự từ bỏ quyền của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Trần Ngân T.

Về con chung: giao con chung Trần Minh Q và Trần Thị Hồng N cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Chị T là nguyên đơn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Trần Ngân T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Bị đơn anh Trần Ngân T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Trần Ngân T chung sống với nhau từ năm 2004 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79/2005, ngày 05/9/2005. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh T, thấy: trong quá trình sống chung với nhau, là một người chồng nhưng anh T không làm tròn trách nhiệm của mình. Mặc dù có đi làm nhưng anh T không đưa tiền lương cho chị T để trang trải chi phí sinh hoạt gia đình để mặc chị T một mình xoay sở. Ngoài ra anh T còn gây ra nợ nần buộc chị T phải đứng ra trả nợ thay rất nhiều lần điều này được thể hiện trong lời khai của chị T và các con chung Minh Quân, Hồng Ngọc. Từ những việc đó đã nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. chị T đã cho anh T rất nhiều cơ hội nhưng anh T vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm của chị T đối với anh T không còn.

Trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng anh T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị T để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc con. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.3] Về quan hệ con chung: qua chứng cứ chị T cung cấp thì chị T và anh T có 02 con chung tên Trần Minh Q sinh ngày 17/8/2005 và Trần Thị Hồng N sinh ngày 18/11/2009. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2023 nguyện vọng của cháu Minh Q và Hồng N là được sống cùng với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Chị T cũng đồng ý với ý kiến của các cháu. Trong quá trình giải quyết, anh T cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến tranh chấp về phần con chung. Xét thấy, có đủ căn cứ để giao con chung Minh Q và Hồng N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung: không có.

[2.5] Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn là phù hợp.

[4] Về án phí: chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Trần Ngân T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2005, ngày 05/9/2005 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Giao con chung Trần Minh Q sinh ngày 17/8/2005 và Trần Thị Hồng N sinh ngày 18/11/2009 cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Trần Ngân T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Ánh T phải tạo điều kiện cho anh Trần Ngân T được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Trần Ngân T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011366 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị Ánh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Trần Ngân T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm